TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/11/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Mã Thanh Trung**

2. Ông **Nguyễn Phước Tường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2019/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Công T,** sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Kiều P,** sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có mặt tại phiên tòa; Chị P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Công T trình bày*:

Anh và chị Trần Thị Kiều P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 08/2018 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Nay anh yêu cầu xin ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung tên Phạm Quốc T1, sinh ngày 21/6/2013 và Phạm Quang K1, sinh ngày 27/10/2016. Hiện 02 cháu đang sống với

anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có.

* Bị đơn chị Trần Thị Kiều P không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc anh T khởi kiện.

Tại phiên toà, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Chị P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Chị P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử vụ án anh T xin ly hôn với chị nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh và chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa anh và chị P nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2013 ngày 29/01/2013, nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo lời anh T khai, anh - chị chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 08/2018 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Đối với chị P, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị để dự phiên tòa xét xử việc anh T xin ly hôn chị, nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, chị không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện. Chứng tỏ, chị không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T. Xem như chị từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn

của anh T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và cho anh T được ly hôn với chị P là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh T và chị P có 02 con chung tên Phạm Quốc T1, sinh ngày 21/6/2013 và Phạm Quang K1, sinh ngày 27/10/2016. Hiện 02 con chung do phía chị P nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Hơn nữa, tại phiên tòa anh T cũng đồng ý giao hết 02 con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện và cũng không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao hết 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/01 con chung, 02 con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Công T.

- Cho anh Phạm Công T được ly hôn với chị Trần Thị Kiều P.

[2]. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Công T.

- Giao hết 02 con chung tên Phạm Quốc T1, sinh ngày 21/6/2013 và Phạm Quang K1, sinh ngày 27/10/2016 cho chị Trần Thị Kiều P tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị P mỗi tháng 2.500.000 đồng/01 con. Hai con anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng tiền án phí anh T phải chịu là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002036 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên anh T phải nộp tiếp tiền án phí là 300.000 đồng.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với người vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Khánh, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN